TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **472**/2024/DS-ST
Ngày 21 tháng 9 năm 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thanh, bà Dương Thị Thúy Duy.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thanh Trúc Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 121/2024/TLST-DS, ngày 23 tháng 7 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 476/2024/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 797/2024/QĐST-DS, ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH mua bán nợ X; địa chỉ trụ sở: Tầng 5, khối E, toà nhà C, số Y Cộng Hoà, Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Hà Phương Hồng T1 – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê T2, sinh năm 2000; cư trú: 02/112 Long Thạnh, xã Long Hoà, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Theo Văn bản ủy quyền số 7206/2024/AP.AG-X DT, ngày 28/6/2024).* (Vắng mặt)

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị P, sinh năm 1969; cư trú: Ấp V, xã VT, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/6/2016, bà Lê Thị P ký hợp đồng vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160610-104112-7622 với Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC vay số tiền 35.700.000 (Ba mươi lăm triệu bảy trăm nghìn) đồng. Mục đích vay mua sắm tài sản, lãi thỏa thuận 45%/năm, thời hạn thanh toán 24 tháng với tổng vốn gốc, lãi phải trả 54.765.000 đồng. Cụ thể: 23 tháng đầu mỗi

tháng thanh toán 2.282.000 đồng, tháng cuối cùng là 2.279.000 đồng. Số tiền vay đã được giải ngân ngày 14/6/2016.

Để đảm bảo cho khoản vay trên bà P đã ký kết hợp đồng thế chấp là xe máy Nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát:67G1-332.60.

Ngày 28/12/2018, Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng chuyển nhượng khoản nợ trên cho Công ty TNHH Mua bán nợ X theo Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-CEOO-18-0006.

Theo Công ty TNHH Mua bán nợ X, đến ngày 16/11/2022 bà P đã thanh toán được 30.282.000 đồng. Tính đến ngày mua nợ (28/12/2018) số tiền còn nợ 20.477.722 đồng. Trong đó, nợ gốc là 5.418.000 đồng, lãi là 9.641.722 đồng, phí phạt 5.418.000 đồng.

Do khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết, nên Công ty TNHH Mua bán nợ X kiện yêu cầu bà P thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc còn lại, không yêu cầu trả lãi và phí phạt. Đồng thời yêu cầu duy trì biện pháp bảo đảm nghĩa vụ thanh toán đối với xe mô tô biển số kiểm soát 67G1-332.60.

Về chứng cứ: Công ty TNHH Mua bán nợ X giao nộp: Bản sao Giấy phép kinh doanh của Công ty X; Bản chính Giấy ủy quyền và đơn từ chối hòa giải; Hợp đồng tín dụng; hợp đồng thế chấp; Chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị P; Biên bản xác nhận khoản nợ đã mua bán; Hợp đồng mua bán nợ; Bảng lịch thanh toán và Lịch sử thanh toán chi tiết.

Toàn bộ nội dung vụ kiện và tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã thông báo cho bà P theo Thông báo thụ lý số 402/TB-TLVA ngày 24/7/2024 và Thông báo về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn ngày 02/8/2024. Tuy nhiên bà P không có ý kiến phản hồi và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Theo kết quả định danh và xác minh của Tòa án, thì bà P cư trú ấp Vĩnh Nghĩa, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

Về nội dung: Xác định ngày 10/6/2016, bà P có ký hợp đồng vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160610-104112-7622 với Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC vay số tiền 35.700.000 (Ba mươi lăm triệu bảy trăm nghìn) đồng. Quá trình thực hiện có trả vốn gốc 30.282.000 đồng rồi ngưng. Xác định bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên buộc bà P có nghĩa vụ thanh toán vốn gốc và lãi còn lại. Do phần nợ của bà P Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng đã chuyển nhượng cho Công ty TNHH Mua bán nợ X. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bà P trả vốn gốc còn lại là có lợi cho bị đơn. Do đó đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Mua bán nợ X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyền khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng: Bà Lê Thị P ký hợp đồng vay tiền với Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Khoản nợ của bà P đã được Công ty TNHH Mua bán nợ X mua lại từ Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Do đó Công ty TNHH Mua bán nợ X có quyền khởi kiện. Xác định Công ty TNHH Mua bán nợ X là nguyên đơn, bà Lê Thị P là bị đơn.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH Mua bán nợ X kiện yêu cầu bà P thanh toán khoản nợ vay còn lại theo hợp đồng mà bà P đã vay của Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Xét, bà P là cá nhân, vay sử dụng vào mục đích tiêu dùng, xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", là tranh chấp dân sự; bị đơn cư trú ấp Vĩnh Nghĩa xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Căn các điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

[1.3] Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà P vắng mặt không lý do; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin không tham gia phiên tòa. Như vậy các đương sự đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng, nên tiến hành xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về thời hiệu: Trong vụ án này, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hình thức, nội dung hợp đồng: Hợp đồng vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160610-104112-7622 giữa bà P với Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng được lập thành văn bản, hình thức vay tín chấp, có biện pháp bảo đảm; bà P có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng, nên đảm bảo về mặt hình thức. Nội dung Hợp đồng ghi nhận việc bà P nhận vay 35.700.000 (Ba mươi lăm triệu bảy trăm nghìn) đồng để sử dụng vào mục đích tiêu dùng, lãi suất 45%/năm. Tổng số tiền vay và lãi suất phải trả là 54.765.000 đồng, chia trả làm 24 kỳ.

Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, cơ chế điều chỉnh lãi suất, thông tin cá nhân khách hàng và cam kết của các bên. Hợp đồng được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Về nội dung tranh chấp:

Theo Công ty TNHH Mua bán nợ X tính đến ngày 28/12/2018 bà P còn nợ 20.477.722 đồng. Trong đó, nợ gốc là 5.418.000 đồng, lãi và phí phạt là 15.159.722 đồng. Tuy nhiên Công ty TNHH Mua bán nợ X chỉ yêu bà P trả vốn gốc mà không

yêu cầu trả lãi và phí phạt là có lợi cho bà P.

Theo hợp đồng và lịch sử thanh toán, thời gian thanh toán lần đầu ngày 11/7/2016, lần cuối cùng 11/6/2018. Đến nay bà P chưa thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng, là có lỗi. Do đó chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Mua bán nợ X, buộc bà P có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ vốn gốc còn lại là 5.418.000 đồng.

Về yêu cầu duy trì tài sản thế chấp: Căn cứ Hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp, xác định đây là hợp đồng vay có biện pháp bảo đảm. Tài sản đảm bảo là xe mô tô biển kiểm soát 67G1-332.60. Tuy nhiên Công ty TNHH Mua bán nợ X không cung cấp được đăng ký giao dịch bảo đảm và không cung cấp thông tin người đứng tên đăng ký xe mô tô 67G1-332.60, nên chưa đủ căn cứ để duy trì biện pháp bảo đảm quy định của pháp luật. Do đó, không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Việc xử lý tài sản bảo đảm được xem xét trong giai đoạn thi hành án nếu nguyên đơn cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu thanh toán hợp đồng vay của Công ty TNHH Mua bán nợ X được chấp nhận, nên bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH Mua bán nợ X.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Mua bán nợ X,

Buộc bà Lê Thị P có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Mua bán nợ X số tiền 5.418.000 *(Năm triệu bốn trăm mười tám nghìn)* đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và Công ty TNHH Mua bán nợ X có đơn yêu cầu thi hành án mà bà P không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo mức lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí**:** Bà Lê Thị P phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty TNHH Mua bán nợ X số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án TU/2023 số 0009639 ngày 22/7/2024.

Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt các đương sự. Thời hạn kháng cáo của Công ty TNHH Mua bán nợ X và bà Lê Thị P là 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Sáu